

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM  
BẾN TRE  
(BEPHARCO)**

Địa chỉ: Số 6A3, Quốc 60, Phường Phú Tân, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre  
Điện thoại: (075) 3817617 - 3829528

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT  
QUÝ IV NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>246.327.419.547</b>	<b>212.651.869.678</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8.947.822.381</b>	<b>10.276.789.023</b>
1. Tiền	111		8.947.822.381	10.276.789.023
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>787.590.000</b>	<b>1.104.691.073</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.268.552.191	1.554.518.827
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(480.962.191)	(449.827.754)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>101.706.046.902</b>	<b>03.302.773.230</b>
1. Phải thu khách hàng	131		92.715.912.696	78.047.847.201
2. Trả trước cho người bán	132		7.301.937.798	3.678.787.026
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		2.042.522.659	1.989.665.254
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(353.526.251)	(353.526.251)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>125.030.258.329</b>	<b>110.005.527.347</b>
1. Hàng tồn kho	141		125.818.590.949	111.334.101.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(788.332.620)	(1.328.574.567)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.854.901.935</b>	<b>7.902.089.005</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		649.555.309	13.153.133
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.661.834.974	1.771.316.533
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.922.904	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.540.588.748	6.117.619.339

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45.534.514.359</b>	<b>43.688.775.483</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.612.245.970</b>	<b>38.762.512.524</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		30.314.505.801	31.486.113.789
+ Nguyên giá	222		57.099.927.533	54.621.061.046
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.785.421.732)	(23.134.947.257)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		1.655.291.406	-
+ Nguyên giá	225		1.789.504.224	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(134.212.818)	-
3. TSCĐ vô hình	227		1.952.178.793	5.441.393.718
+ Nguyên giá	228		2.103.443.959	5.659.160.559
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(151.265.166)	(217.766.841)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		3.690.269.970	1.835.005.017
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>17.091.552</b>	<b>29.156.172</b>
+ Nguyên giá	241		125.214.090	125.214.090
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(108.122.538)	(96.057.918)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>216.710.000</b>	<b>216.710.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		216.710.000	216.710.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.688.466.837</b>	<b>4.680.396.787</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.151.228.439	3.553.420.823
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		327.838.398	234.463.483
3. Tài sản dài hạn khác	268		209.400.000	892.512.481
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>291.861.933.906</b>	<b>256.340.645.161</b>

182  
183  
184  
185  
186  
187  
188  
189  
190  
191  
192  
193  
194  
195  
196  
197  
198  
199  
200  
201  
202  
203  
204  
205  
206  
207  
208  
209  
210  
211  
212  
213  
214  
215  
216  
217  
218  
219  
220  
221  
222  
223  
224  
225  
226  
227  
228  
229  
230  
231  
232  
233  
234  
235  
236  
237  
238  
239  
240  
241  
242  
243  
244  
245  
246  
247  
248  
249  
250  
251  
252  
253  
254  
255  
256  
257  
258  
259  
260  
261  
262  
263  
264  
265  
266  
267  
268  
269  
270  
271  
272  
273  
274  
275  
276  
277  
278  
279  
280  
281  
282  
283  
284  
285  
286  
287  
288  
289  
290  
291  
292  
293  
294  
295  
296  
297  
298  
299  
300  
301  
302  
303  
304  
305  
306  
307  
308  
309  
310  
311  
312  
313  
314  
315  
316  
317  
318  
319  
320  
321  
322  
323  
324  
325  
326  
327  
328  
329  
330  
331  
332  
333  
334  
335  
336  
337  
338  
339  
340  
341  
342  
343  
344  
345  
346  
347  
348  
349  
350  
351  
352  
353  
354  
355  
356  
357  
358  
359  
360  
361  
362  
363  
364  
365  
366  
367  
368  
369  
370  
371  
372  
373  
374  
375  
376  
377  
378  
379  
380  
381  
382  
383  
384  
385  
386  
387  
388  
389  
390  
391  
392  
393  
394  
395  
396  
397  
398  
399  
400  
401  
402  
403  
404  
405  
406  
407  
408  
409  
410  
411  
412  
413  
414  
415  
416  
417  
418  
419  
420  
421  
422  
423  
424  
425  
426  
427  
428  
429  
430  
431  
432  
433  
434  
435  
436  
437  
438  
439  
440  
441  
442  
443  
444  
445  
446  
447  
448  
449  
450  
451  
452  
453  
454  
455  
456  
457  
458  
459  
460  
461  
462  
463  
464  
465  
466  
467  
468  
469  
470  
471  
472  
473  
474  
475  
476  
477  
478  
479  
480  
481  
482  
483  
484  
485  
486  
487  
488  
489  
490  
491  
492  
493  
494  
495  
496  
497  
498  
499  
500  
501  
502  
503  
504  
505  
506  
507  
508  
509  
510  
511  
512  
513  
514  
515  
516  
517  
518  
519  
520  
521  
522  
523  
524  
525  
526  
527  
528  
529  
530  
531  
532  
533  
534  
535  
536  
537  
538  
539  
540  
541  
542  
543  
544  
545  
546  
547  
548  
549  
550  
551  
552  
553  
554  
555  
556  
557  
558  
559  
560  
561  
562  
563  
564  
565  
566  
567  
568  
569  
570  
571  
572  
573  
574  
575  
576  
577  
578  
579  
580  
581  
582  
583  
584  
585  
586  
587  
588  
589  
590  
591  
592  
593  
594  
595  
596  
597  
598  
599  
600  
601  
602  
603  
604  
605  
606  
607  
608  
609  
610  
611  
612  
613  
614  
615  
616  
617  
618  
619  
620  
621  
622  
623  
624  
625  
626  
627  
628  
629  
630  
631  
632  
633  
634  
635  
636  
637  
638  
639  
640  
641  
642  
643  
644  
645  
646  
647  
648  
649  
650  
651  
652  
653  
654  
655  
656  
657  
658  
659  
660  
661  
662  
663  
664  
665  
666  
667  
668  
669  
670  
671  
672  
673  
674  
675  
676  
677  
678  
679  
680  
681  
682  
683  
684  
685  
686  
687  
688  
689  
690  
691  
692  
693  
694  
695  
696  
697  
698  
699  
700  
701  
702  
703  
704  
705  
706  
707  
708  
709  
710  
711  
712  
713  
714  
715  
716  
717  
718  
719  
720  
721  
722  
723  
724  
725  
726  
727  
728  
729  
730  
731  
732  
733  
734  
735  
736  
737  
738  
739  
740  
741  
742  
743  
744  
745  
746  
747  
748  
749  
750  
751  
752  
753  
754  
755  
756  
757  
758  
759  
760  
761  
762  
763  
764  
765  
766  
767  
768  
769  
770  
771  
772  
773  
774  
775  
776  
777  
778  
779  
780  
781  
782  
783  
784  
785  
786  
787  
788  
789  
790  
791  
792  
793  
794  
795  
796  
797  
798  
799  
800  
801  
802  
803  
804  
805  
806  
807  
808  
809  
810  
811  
812  
813  
814  
815  
816  
817  
818  
819  
820  
821  
822  
823  
824  
825  
826  
827  
828  
829  
830  
831  
832  
833  
834  
835  
836  
837  
838  
839  
840  
841  
842  
843  
844  
845  
846  
847  
848  
849  
850  
851  
852  
853  
854  
855  
856  
857  
858  
859  
860  
861  
862  
863  
864  
865  
866  
867  
868  
869  
870  
871  
872  
873  
874  
875  
876  
877  
878  
879  
880  
881  
882  
883  
884  
885  
886  
887  
888  
889  
890  
891  
892  
893  
894  
895  
896  
897  
898  
899  
900  
901  
902  
903  
904  
905  
906  
907  
908  
909  
910  
911  
912  
913  
914  
915  
916  
917  
918  
919  
920  
921  
922  
923  
924  
925  
926  
927  
928  
929  
930  
931  
932  
933  
934  
935  
936  
937  
938  
939  
940  
941  
942  
943  
944  
945  
946  
947  
948  
949  
950  
951  
952  
953  
954  
955  
956  
957  
958  
959  
960  
961  
962  
963  
964  
965  
966  
967  
968  
969  
970  
971  
972  
973  
974  
975  
976  
977  
978  
979  
980  
981  
982  
983  
984  
985  
986  
987  
988  
989  
990  
991  
992  
993  
994  
995  
996  
997  
998  
999  
1000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>204.733.916.875</b>	<b>172.322.784.889</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>200.942.943.716</b>	<b>167.680.640.161</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		133.798.014.790	99.545.467.194
2. Phải trả người bán	312		51.257.796.826	59.231.671.961
3. Người mua trả tiền trước	313		1.064.724.051	1.595.143.566
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		5.328.895.790	4.177.485.973
5. Phải trả người lao động	315		5.877.118.915	1.448.847.370
6. Chi phí phải trả	316		2.200.000.000	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.246.288.502	1.613.019.991
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		170.104.842	69.004.106
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.790.973.159</b>	<b>4.642.144.728</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		168.049.590	244.572.442
4. Vay và nợ dài hạn	334		3.608.818.673	4.302.556.273
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		14.104.896	76.834.194
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	18.181.819
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>78.145.953.735</b>	<b>74.250.017.882</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>78.095.953.735</b>	<b>74.200.017.882</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26.493.488.000	26.493.488.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.264.443.840)	(1.264.443.840)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.007.323.020	3.007.323.020
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.259.048.949	1.740.914.407
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.031.177.464	1.518.242.922
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		14.668.560.142	11.798.493.373
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	433		50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>8.982.063.296</b>	<b>9.767.842.389</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>291.861.933.906</b>	<b>256.340.645.161</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		15.611,17	11.129,56
+ EUR		122,00	122,25
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG

Bến Tre, ngày 20 tháng 02 năm 2012

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT SƠN

Bến Tre

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý 4 năm 2011	Quý 4 năm 2010	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		191.521.643.478	161.465.263.259	549.680.741.639	491.736.275.170
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		611.183.004	184.064.404	1.701.818.325	1.210.494.370
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		191.010.459.574	161.281.198.705	547.888.925.314	490.525.780.800
4. Giá vốn hàng bán	11		161.870.231.010	129.507.043.319	436.281.418.608	386.405.748.889
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.140.228.564	31.774.155.446	111.607.506.706	104.120.031.911
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.964.018.634	660.830.876	5.738.848.160	4.133.638.012
7. Chi phí tài chính	22		9.646.665.435	6.395.010.852	32.921.773.807	21.047.500.185
trong đó, chi phí lãi vay	23		7.803.929.553	4.042.447.406	23.413.562.006	16.193.614.508
8. Chi phí bán hàng	24		21.423.093.693	21.388.047.195	61.178.682.230	60.182.185.412
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.012.547.305	5.085.173.619	17.593.583.578	20.891.560.285
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.978.059.235)	(433.245.344)	5.652.315.251	6.132.424.041
11. Thu nhập khác	31		10.021.584.463	5.932.952.758	35.179.786.645	21.180.090.386
12. Chi phí khác	32		2.413.319.286	176.552.438	21.906.316.781	10.054.617.506
13. Lợi nhuận khác	40		7.608.265.177	5.756.400.320	13.273.469.864	11.125.472.880
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50				0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		5.630.205.942	5.323.154.976	18.925.785.115	17.257.896.921
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		2.194.361.118	2.358.315.587	5.867.354.763	4.490.141.425
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		(157.073.830)	(91.202.776)	(93.374.915)	185.492.108
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		3.592.918.654	2.502.652.398	13.151.805.267	12.582.263.388
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		399.167.566	409.610.964	1.656.396.925	1.169.429.022
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		3.193.751.088	2.093.041.434	11.495.408.342	11.412.834.366
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80		1.083	731	3.899	3.837

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG



Bến Tre, ngày 20 tháng 02 năm 2012

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VIỆT SƠN

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÊN TRE

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.151.805.267	17.257.896.921
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.730.250.238	4.176.718.799
Các khoản dự phòng	03	(527.289.329)	1.391.961.556
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	850.612.980
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.399.924.400)	(605.270.143)
Chi phí lãi vay	06	23.415.520.940	16.193.614.508
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.370.362.716	39.265.534.621
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.521.978.426)	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.970.952.593)	(1.522.215.772)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.138.514.055)	29.148.138.584
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(646.539.466)	(11.766.699.004)
Tiền lãi vay đã trả	13	(23.415.520.940)	1.140.237.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.286.150.639)	(16.048.901.267)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	(3.428.493.857)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.179.249.007)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(16.788.542.410)</b>	<b>34.193.160.697</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.728.754.768)	(8.634.480.073)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.283.334.965)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	3.270.046.156
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.926.097.417)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.672.507.458	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.778.974.498	1.057.877.434
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.203.370.229)</b>	<b>(7.594.946.448)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1.264.443.840)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	457.711.513.049	354.212.924.622
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(424.152.703.053)	(368.637.235.511)

5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(199.584.684)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.895.864.000)	(6.998.790.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>25.662.945.996</b>	<b>(22.887.129.413)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.328.966.643)</b>	<b>3.711.084.836</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>10.276.789.023</b>	<b>6.165.040.644</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>400.663.543</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>8.947.822.380</b>	<b>10.276.789.023</b>

Kế toán trưởng 

**NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG**

Ngày 20 tháng 02 năm 2012



**Giám đốc**

**NGUYỄN VIỆT SƠN**

Đã ký và đóng dấu



# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 05 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bến Tre về việc chuyển Công ty Dược và Vật tư Bến Tre thành Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55-03-000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 07 năm 2004 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 09 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại:

- Địa chỉ: số 6A3 Quốc lộ 60, P. Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: 075 382 95 28
- Fax: 075 382 74 67.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2011 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và sản xuất.

### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học. Kinh doanh thuốc trị bệnh cho người. Kinh doanh thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, thùng;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

### 1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

#### 1.4.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ phần Liên Doanh Meyer	số 6A3 Quốc lộ 60, P. Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	50%	60%

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung..

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dược Phẩm Bến Tre, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các sổ dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

#### 4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản kỳ gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Handwritten notes in red ink on the right margin, including the letters 'C', 'Ph', 'B', and some illegible characters.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/ phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm] trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 05 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
+ Tài sản cố định vô hình	45 – 48 năm

### 4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

#### 4.8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/ phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm].

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Quyền sử dụng đất	45 – 50 năm
---------------------	-------------

#### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4.10. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.13. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Tập đoàn. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

### 4.14. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Theo công văn số 592/CT/TH-DT ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Tổng cục thuế - Cục thuế Tỉnh Bến Tre, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được hưởng các ưu đãi thuế do chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần cụ thể là được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm 2005 cho đến hết thời gian miễn giảm.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

### 4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đầu năm	Cuối kỳ
Tiền mặt	421.998.280	257.511.720
Tiền gửi ngân hàng	9.854.790.743	8.690.310.661
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.276.789.023</b>	<b>8.947.822.381</b>

### 5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Cuối kỳ
Cổ phiếu ngắn hạn	1.554.518.827	1.268.552.191

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Trái phiếu ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>1.554.518.827</b>	<b>1.268.552.191</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(449.827.754)	(480.962.191)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>1.104.691.073</b>	<b>787.590.000</b>

**5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Phải thu khách hàng	78.047.847.201	92.715.912.696
Trả trước cho người bán	3.878.787.026	7.301.937.798
Các khoản phải thu khác	1.989.665.254	2.042.522.659
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>83.716.299.481</b>	<b>102.060.373.153</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(353.526.251)	(353.526.251)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>83.362.773.230</b>	<b>101.706.846.902</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

**5.4. Hàng tồn kho**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Hàng mua đang đi đường	4.267.331.492	408.114.346
Nguyên liệu, vật liệu	13.416.264.237	13.161.491.887
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.501.297.809	3.838.534.696
Thành phẩm	6.546.499.458	7.885.810.767
Hàng hóa	83.602.708.918	100.524.639.263
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>111.334.101.914</b>	<b>125.818.590.949</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.328.574.567)	(788.332.620)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>110.005.527.347</b>	<b>125.030.258.329</b>

**5.5. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Tạm ứng	404.531.391	1.376.050.430
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.713.087.948	6.164.538.318
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.117.619.339</b>	<b>7.540.588.748</b>

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

ĐVT: ngàn đồng/Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	26.909.817.930	19.410.303.072	5.146.054.610	3.154.885.434	54.621.061.046
Mua trong kỳ	2.434.291.404	212.510.000	648.121.999	133.159.520	3.428.082.923

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thanh lý trong kỳ	(85.005.523)				(85.005.523)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>29.344.109.334</b>	<b>19.622.813.072</b>	<b>5.794.176.609</b>	<b>3.288.044.954</b>	<b>57.099.927.533</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	7.947.397.303	10.956.772.313	2.292.927.125	1.937.850.550	23.134.947.291
Khấu hao trong kỳ	1.905.501.038	1.704.877.866	552.660.302	422.985.786	4.586.024.992
Thanh lý trong kỳ	(39.880.053)				(39.880.053)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.852.898.341</b>	<b>12.661.650.179</b>	<b>2.845.587.427</b>	<b>2.360.836.336</b>	<b>26.785.421.767</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	18.962.420.627	8.453.530.759	2.853.127.485	1.217.034.884	31.486.113.755
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>19.491.210.993</b>	<b>6.961.162.893</b>	<b>2.948.589.182</b>	<b>927.208.618</b>	<b>30.314.505.766</b>

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>5.659.160.559</b>	<b>273.032.400</b>	<b>3.828.749.000</b>	<b>2.103.443.959</b>
- Quyền sử dụng đất				2.103.443.959
	5.659.160.559	273.032.400	3.828.749.000	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>217.766.838</b>	<b>70.639.025</b>	<b>137.140.697</b>	<b>151.265.166</b>
- Quyền sử dụng đất				151.265.166
	217.766.838	70.639.025	137.140.697	
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>5.441.393.721</b>			<b>1.952.178.793</b>
- Quyền sử dụng đất				1.952.178.793
	5.441.393.721			

**5.8. Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy đóng gói
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	0
Tăng trong kỳ	1.789.504.224
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.789.504.224</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong kỳ	134.212.818
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>134.212.818</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	1.789.504.224
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>1.655.291.406</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Đầu năm	Cuối kỳ
Công trình xây dựng Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	285.083.169	
Kho Đông Dược	67.446.031	
Kho Số 2 – KCN Tân Tạo	21.000.000	21.000.000
Văn phòng Chi nhánh Khánh Hòa	4.295.454	134.345.817
Công trình xây dựng xưởng sản xuất thuốc nước	275.669.080	3.478.195.063
Mua sắm tài sản cố định (Meyer)	1.181.511.283	56.729.090
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.835.005.017</b>	<b>3.690.269.970</b>

**5.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	125.214.000	125.214.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>125.214.090</b>	<b>125.214.090</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	96.057.918	96.057.918
Tăng trong kỳ	12.064.820	12.064.620
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>108.122.638</b>	<b>108.122.638</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	29.156.172	29.156.172
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>17.091.552</b>	<b>17.091.552</b>

**5.11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Đầu năm	Cuối kỳ
Cổ phiếu	196.710.000	196.710.000
Trái phiếu kho bạc	20.000.000	20.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>216.710.000</b>	<b>216.710.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>216.710.000</b>	<b>216.710.000</b>

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	7.971	196.710.000	7.971	196.710.000
Đầu tư trái phiếu kho bạc	1	20.000.000	1	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.972</b>	<b>216.710.000</b>	<b>7.976</b>	<b>216.710.000</b>

**5.12. Chi phí trả trước dài hạn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Đầu năm	Cuối kỳ
Chi phí thuê đất tại lô số 1A, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân. Thời hạn thuê đất đến ngày 17 tháng 06 năm 2047.	3.553.420.823	3.453.324.455
Giá trị quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng không vĩnh viễn		3.644.240.837
Chi phí trả trước khác	-	53.663.147
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.553.420.823</b>	<b>7.151.228.439</b>

**5.13. Tài sản dài hạn khác**

Đây là khoản kỳ quỹ, kỳ cược nhằm mục đích mua sắm tài sản cố định.

**5.14. Vay ngắn hạn**

	Đầu năm	Cuối kỳ
Vay ngân hàng	78.726.543.855	108.986.175.995
Vay đối tượng khác	20.413.741.739	24.424.693.867
Vay dài hạn đến hạn trả	405.181.600	402.497.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>99.545.467.194</b>	<b>133.798.014.790</b>

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp, thời hạn từ 06 đến 12 tháng và chịu lãi suất 1,25%/tháng.

**5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	Đầu năm	Cuối kỳ
Phải trả người bán	59.231.671.961	51.257.796.826
Người mua trả tiền trước	1.595.143.566	1.064.724.051
<b>Tổng cộng</b>	<b>60.826.815.527</b>	<b>52.322.520.877</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

**5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Đầu năm	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	264.221.870	262.481.098
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	675.685.165	960.940.968
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.655.006
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.690.847.915	2.627.677.312
Thuế thu nhập cá nhân	1.546.731.023	1.475.141.406
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.177.485.973</b>	<b>5.328.895.790</b>

**5.17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Đầu năm	Cuối kỳ
Kinh phí công đoàn	435.199.060	369.490.938
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	84.369.737	53.517.735
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	233.000.000	233.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Nhận tiền thế chân bình nước tinh khiết	77.312.000	64.633.019
I huế thu nhập cá nhân thu hộ	36.880.000	119.446.607
Cổ tức phải trả	188.665.350	206.974.350
Các khoản phải trả, phải nộp khác	557.593.844	199.225.853
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.613.019.991</b>	<b>1.246.288.502</b>

**5.18. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Vay ngân hàng	4.077.683.085	3.565.493.497
Vay đối tượng khác	101.540.012	
Vay Sứ y tế tỉnh Bến Tre	43.325.176	43.325.176
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.302.556.273</b>	<b>3.608.818.673</b>

**5.18.1. Cổ phần**

▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	51.500	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.948.500	2.948.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Quý 4 năm 2010</b>	<b>Quý 4 năm 2011</b>
Doanh thu bán hàng	161.465.263.259	191.521.643.478
Hàng bán bị trả lại	(184.064.494)	(511.183.904)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>161.281.198.765</b>	<b>191.010.459.574</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Quý 4 năm 2010</b>	<b>Quý 4 năm 2011</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	129.507.043.319	161.870.231.010
<b>Tổng cộng</b>	<b>129.507.043.319</b>	<b>161.870.231.010</b>

**7. Thông tin về các bên có liên quan**

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty

Mối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Liên Doanh Meyer

Công ty con

- Giao dịch giữa Công ty và công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

**8. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 02 năm 2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG

Bến Tre, ngày 20 tháng 02 năm 2012

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT SƠN